

Số: 03 /2019/QĐ-UBND

Vinh Phúc, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với  
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;  
Căn cứ Khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;  
Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 Quy định chi tiết  
một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy  
định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của  
Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại  
Tờ trình số 146/TTr-SNNPTNT ngày 04/10/2018 (Báo cáo số 02/BC-  
SNN&PTNT ngày 02/01/2019), Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản qui  
phạm pháp luật số 144/BC-STP ngày 25/9/2018 của Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận  
đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2019.

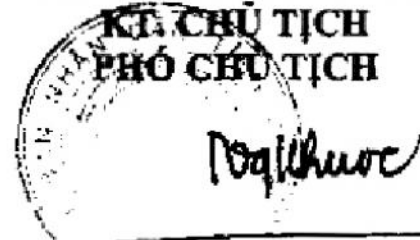
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở,  
ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chủ tịch, Giám đốc các  
Công ty TNHH một thành viên thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân  
có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Bộ Nông nghiệp & PTNT;
  - Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
  - TITU, TT HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - MTTQ VN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - Đài PTTH tỉnh, Báo Vinh Phúc;
  - Cổng thông tin GTĐT tỉnh;
  - CV: NCTH;
  - Lưu: VT, NN3.
- (TAT- 200 b) /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KI. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Khước**

## QUY ĐỊNH

**Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03 /2019/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Kênh chìm: Là kênh có mặt cắt ngang kênh đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên:

2. Kênh nổi: Là kênh có mặt cắt ngang kênh đắp hoặc xây nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

3. Lưu lượng kênh: Lưu lượng kênh để xác định phạm vi vùng phụ cận là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải chuyển tải.

4. Vùng phụ cận: Là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng bao quanh công trình thủy lợi, phục vụ cho công tác quản lý khai thác công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

### **Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi**

Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi được quy định như sau:

1. Vùng phụ cận của hồ chứa nước bao gồm vùng phụ cận của đập và vùng phụ cận của lòng hồ được quy định tại Khoản 3, Điều 40 Luật Thủy lợi.

Đối với vùng phụ cận 02 bên đầu đập quy định như sau: đối với đập cấp II tối thiểu là 10 m; đập cấp III tối thiểu là 05 m; đập cấp IV tối thiểu là 03 m.

2. Vùng phụ cận của đập dâng (là đập hoặc tường thấp chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu) được tính từ phần xây đúc cuối cùng của đập (thượng lưu, hạ lưu): đối với đập cấp II tối thiểu là 50 m; đập cấp III tối thiểu là 30 m; đập cấp IV tối thiểu là 10 m; vùng phụ cận đối với hai vai đập từ điểm giao cắt với mặt cắt tự nhiên cuối cùng trở ra mỗi bên tối thiểu 03 m.

3. Vùng phụ cận của tràn xả lũ (bao gồm cả tràn tự do và tràn có cánh van điều tiết) phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tràn tính từ phần xây đúc cuối cùng ra

mỗi bên tối thiểu 50 m đối với tràn có lưu lượng tràn thiết kế lớn hơn  $200 \text{ m}^3/\text{s}$ , 30 m đối với tràn có lưu lượng từ  $20 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $200 \text{ m}^3/\text{s}$ , 10 m đối với tràn có lưu lượng nhỏ hơn  $20 \text{ m}^3/\text{s}$ ;

4. Vùng phụ cận của kênh tưới, tiêu (kể cả luồng tiêu) được quy định như sau:

a) Đối với kênh nổi có đắp bờ, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra như sau:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ từ 0,5 m đến 01 m đối với kênh đất, 0,3m đến 0,5 m đối với kênh đã kiên cố;

- Kênh có lưu lượng từ  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$  đến nhỏ hơn  $2 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ từ 01m đến 1,5 m đối với kênh đất, 0,5 m đến 01m đối với kênh đã kiên cố;

- Kênh có lưu lượng lớn hơn  $02 \text{ m}^3/\text{s}$  được qui định tại Khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi.

b) Đối với kênh chìm, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm giao mái trong của kênh với mặt đất tự nhiên trở ra như sau:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ từ 0,5 m đến 01 m đối với kênh đất, 0,3m đến 0,5 m đối với kênh đã kiên cố;

- Kênh có lưu lượng từ  $0,5 \text{ m}^3/\text{s}$  đến nhỏ hơn  $2 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ từ 01m đến 1,5 m đối với kênh đất, 0,5 m đến 01m đối với kênh đã kiên cố;

- Kênh có lưu lượng từ  $02 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $10 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ từ 02 m đến 03 m đối với kênh đất, từ 01 m đến 02 m đối với kênh kiên cố;

- Kênh có lưu lượng lớn hơn  $10 \text{ m}^3/\text{s}$ , phạm vi bảo vệ từ 03 m đến 05 m đối với kênh đất, từ 02 m đến 03 m đối với kênh kiên cố.

Kênh chìm phải có nơi để lằm bễ lắng bùn cát phục vụ nạo vét.

c) Vùng phụ cận của luồng tiêu khi chưa xác định được lưu lượng (kể cả các luồng tiêu đã kiên cố) được tính từ mép luồng tiêu ra mỗi bên qui định cụ thể như sau:

- Đối với luồng tiêu có bề rộng mặt cắt ngang phía trên nhỏ hơn 5 m phạm vi bảo vệ mỗi bên là 2m;

- Đối với luồng tiêu có bề rộng mặt cắt ngang phía trên từ 5 m đến 20 m phạm vi bảo vệ mỗi bên từ 3 đến 5 m;

- Đối với luồng tiêu có bề rộng mặt cắt ngang phía trên trên 20 m phạm vi bảo vệ mỗi bên là 5 m;

d) Công trình trên kênh: cống, xi phông, đường ống, cầu máng,..., phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra từ 0,5 m đến 01 m về mọi phía.

e) Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên còn phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông;

*✍*

f) Khi kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo quy định trên, các hành lang bảo vệ an toàn tuân theo tiêu chuẩn của đường dây tải điện hiện hành.

5. Bờ bao thủy lợi:

- Bờ bao độc lập: phạm vi vùng phụ cận tính từ chân bờ trở ra mỗi phía 2m.

- Bờ bao và bờ kênh kết hợp: phạm vi vùng phụ cận xác định như đối với kênh.

6. Vùng phụ cận của kè chống sạt lở bờ suối: Phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây đúc ngoài cùng của kè tối thiểu là 03m về phía bờ kè.

7. Vùng phụ cận của trạm bơm

- Khu vực trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của hàng rào bảo vệ trở vào.

- Khu vực trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ: Phạm vi vùng phụ cận được tính là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình đưa vào sử dụng.

8. Trường hợp trong một cụm công trình thủy lợi có công trình đất kết hợp với công trình xây đúc thì phạm vi bảo vệ công trình xác định theo thứ tự lần lượt như sau: công trình xây đúc kiên cố, công trình đất.

9. Trường hợp công trình thủy lợi nằm trong khu vực bảo tồn thiên nhiên, nằm trong phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng thì thực hiện theo quy định pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ khu vực an ninh quốc phòng.

10. Phạm vi vùng phụ cận của những công trình không có trong quy định này phải tuân theo Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi lập phương án bảo vệ công trình, lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình, quy cách và kỹ thuật cấm mốc theo đúng quy định;

b) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ công trình và phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn do tỉnh quản lý trừ công trình thủy lợi nhỏ;

c) Tổ chức thanh tra chuyên ngành về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc giám sát, thanh tra, kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, xử lý theo quy định của pháp luật;

2. Sở Giao thông Vận tải phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi có kết hợp giao thông, thực hiện cấm biển báo, chỉ giới đảm bảo an toàn giao thông đối với các đoạn tuyến Quốc lộ được ủy thác quản lý và các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Công thương, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc quy hoạch, xác định chỉ giới, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nằm trong khu vực do đơn vị mình quản lý theo quy định hiện hành.

5. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định này để nhân dân biết, thực hiện.

6. Công An tỉnh tăng cường công tác nắm tình hình, tham mưu hướng dẫn chính quyền địa phương và các cá nhân tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác công trình, triển khai thực hiện công tác bảo vệ an toàn công trình thủy lợi; kiểm tra và phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý theo qui định các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thực hiện quy định này.

2. Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện quy định này và các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa.

4. Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn và chủ trì xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn trước ngày 30/11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định này để nhân dân biết, thực hiện.

2. Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cấm mốc chỉ giới trên thực địa đối với các công trình nằm trong địa giới xã, phường, thị trấn.

3. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi được bàn giao; phối hợp với các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi, các đơn vị có liên quan rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định; Phối hợp thực hiện công tác di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Kịp thời xử lý những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý.

5. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

6. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn trước ngày 20/11 hàng năm.

## **Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi**

1. Lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại Điều 41 Luật Thủy lợi.

2. Lập phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đối với công trình thủy lợi đang khai thác và trực tiếp quản lý các mốc chỉ giới; kinh phí cho việc cấm mốc được lấy từ nguồn hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác và các nguồn hợp pháp khác.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện nơi có công trình, rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

4. Lập danh mục yêu cầu di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp cùng với các cấp chính quyền địa phương trong công tác tổ chức di dời nhà và công trình nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và báo cáo các cấp có thẩm quyền để xử lý vi phạm; phối hợp các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện quy định này trên địa bàn quản lý.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi, cắm mốc, di dời nhà và công trình xây dựng nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

#### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai việc thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết và điều chỉnh cho phù hợp. ab

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Khước**